

Số: 262/2024/QĐST-HNGĐ

Sơn Trà, ngày 05 tháng 11 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN SƠN TRÀ - THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Căn cứ các điều 212, 213 và 397 của Bộ Luật Tố tụng dân sự;
Căn cứ các điều 55, 81, 82, 83 và 131 Luật Hôn nhân và Gia đình;
Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;
Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 257/2024/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 10 năm 2024 về việc “*Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con chung*” gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Ông **Nguyễn Thế D**, sinh năm 1980

Căn cước công dân số 049080000472, ngày cấp 01/3/2021; nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

- Bà **Trương Thị Thanh T**, sinh năm 1980

Căn cước công dân số 049180017614, ngày cấp 22/12/2021; nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Cùng địa chỉ thường trú: **Số B D, phường A, quận S, thành phố Đà Nẵng.**

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về quan hệ hôn nhân:* Ông **Nguyễn Thế D** và bà **Trương Thị Thanh T** kết hôn với nhau vào năm 2005, có đăng ký kết hôn tại **Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam**. Hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, sau khi kết hôn vợ chồng cùng sinh sống tại **số B D, phường A, quận S, thành phố Đà Nẵng**. Thời gian đầu cuộc sống vợ chồng hạnh phúc nhưng những năm gần đây thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung, hay cãi vã, tình cảm vợ chồng dần phai nhạt, mâu thuẫn ngày càng nghiêm trọng và cả hai đã cố gắng vì các con nhưng kết quả không thành. Nay ông **D** và bà **T** xác định

không còn tình cảm nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông bà được thuận tình ly hôn.

Xét, mâu thuẫn giữa ông **D** và bà **T** đã thật sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng sống không hạnh phúc nên cả hai tự nguyện thuận tình ly hôn. Do vậy, công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông **Nguyễn Thế D** và bà **Trương Thị Thanh T** là phù hợp với Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình.

[2] *Về con chung*: Ông **D** và bà **T** xác định 02 con chung tên **Nguyễn Thanh Ly C**, sinh ngày 21/3/2007 và **Nguyễn Thanh Khánh C1**, sinh ngày 01/5/2011. Thuận tình ly hôn ông **D** và bà **T** thống nhất thỏa thuận về việc nuôi con chung như sau: Bà **Trương Thị Thanh T** trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con chung tên **Nguyễn Thanh Ly C**, sinh ngày 21/3/2007 và **Nguyễn Thanh Khánh C1**, sinh ngày 01/5/2011 cho đến khi các con đủ 18 tuổi. Ông **Nguyễn Thế D** không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông **D** và bà **T** tự nguyện thỏa thuận về người nhận trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng sau ly hôn nên cần áp dụng Điều 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận thỏa thuận nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con chung của ông bà.

[3] *Về tài sản chung*: Ông **D** và bà **T** xác định tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết.

[4] *Về nợ chung*: Ông **D** và bà **T** xác định không có.

[5] *Về lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm*: Ông **Nguyễn Thế D** và bà **Trương Thị Thanh T** mỗi người phải chịu 150.000đ (*Một trăm năm mươi ngàn đồng*).

Việc thuận tình ly hôn của các đương sự được ghi trong Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành lập ngày 28 tháng 10 năm 2024 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông **Nguyễn Thế D** và bà **Trương Thị Thanh T**. (*Giấy chứng nhận kết hôn số 102, do Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam cấp cho ông D và bà T ngày 18 tháng 3 năm 2005 không còn giá trị pháp lý*).

- *Về con chung*: Bà **Trương Thị Thanh T** trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con chung tên **Nguyễn Thanh Ly C**, sinh ngày 21/3/2007 và **Nguyễn Thanh Khánh**

C1, sinh ngày 01/5/2011 cho đến khi các con đủ 18 tuổi. Ông **Nguyễn Thế D** không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Bên không trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản. Khi cần thiết, vì lợi ích của con chung các bên đương sự có quyền làm đơn xin thay đổi nuôi con hoặc thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết.
- Về nợ chung: Không có.

2. Về lệ phí Tòa án: Lệ phí giải quyết việc hôn nhân gia đình sơ thẩm ông **Nguyễn Thế D** và bà **Trương Thị Thanh T** mỗi người phải chịu 150.000đ (Một trăm năm mươi ngàn đồng). Nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) ông **Nguyễn Thế D** và bà **Trương Thị Thanh T** đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng theo biên lai thu số 0002985 ngày 21/10/2024.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND quận Sơn Trà;
- Chi cục THADS quận Sơn Trà;
- UBND xã Đại Đồng, huyện Đại Lộc, tỉnh Quảng Nam;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Nguyễn Quốc Vũ